

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG
- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mến

2. Ông Thạch Thế Hiền

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Phước D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện N, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Đặng Thị Xăm S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Phước D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị Xăm S thành hôn vào năm 2016 trên cơ sở quen biết. Sau khi thành hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện O, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04 vào ngày 22/01/2016. Thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Anh nhận thấy về lâu dài không thể nào tiếp tục chung sống với chị S được nữa yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị S.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Phước V, sinh ngày 07/10/2017

hiện đang sống chung với chị S, trường hợp chị S không nuôi thì để anh nuôi và anh không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 06/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đặng Thị Xăm S trình bày: chị không có yêu cầu phản tố. Chị thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và con chung. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn. Chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin đoàn tụ. Về con chung nếu yêu cầu ly hôn anh D được Tòa án chấp nhận chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Anh Phan Phước D trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị S. Về con chung để chị S tiếp tục nuôi con anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đặng Thị Xăm S trình bày: cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn lớn chị xin được đoàn tụ. Nếu yêu cầu của anh D được Tòa án chấp nhận chị yêu cầu được nuôi con không có ý kiến về phần cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung thống nhất như lời trình bày của anh D là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phan Phước D khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đặng Thị Xăm S, địa chỉ T, xã B, huyện O, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện O. Do đó, Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phan Phước D và chị Đặng Thị Xăm S kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện O, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số: 04 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, anh D đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vào tháng 4/2018 nhưng đã rút lại đơn yêu cầu khởi kiện do chị S nuôi con dưới 12 tháng tuổi và đến ngày 10/01/2019 anh D vẫn tiếp tục nộp đơn với lý do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm và vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Từ đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh D và chị S có 01 con chung Phan Phước V, sinh ngày 07/10/2017 hiện chị S đang nuôi dưỡng, anh D cho rằng trường hợp chị S không nuôi thì anh xin được nuôi nhưng hiện tại cháu V còn dưới 36 tháng tuổi nên tiếp tục giao cho chị S nuôi, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp các Điều Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Đây là nghĩa vụ của cha mẹ sau khi ly hôn. Anh D cho rằng nếu chị S nuôi thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị S không có ý kiến. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh D là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: anh D và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con là 600.000đồng theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Phước D

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phan Phước D và chị Đặng Thị

Xăm S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phan Phước V, sinh ngày 07/10/2017 cho chị Đặng Thị Xăm S tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Phan Phước D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Phan Phước D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Phan Phước V sinh ngày 07/10/2017 mỗi tháng là 1.000.000đ/tháng (kể từ ngày 27/3/2019) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Phan Phước D nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng phải nộp là 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) anh D đã nộp theo lai thu số 0015093 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) buộc anh D phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã B, huyện O, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Bá Phúc

